

## THÊM MỘT TẤM BIA MANG NIÊN ĐẠI THỜI TRẦN

PHẠM VĂN ÁNH (\*)

**D**i văn kim thạch của thời Lý - Trần trải qua thời gian lâu dài đã mai một khá nhiều. Đến thế kỷ XVIII, nhà bác học Lê Quý Đôn là người rất chú trọng công tác sưu tập các di văn kim thạch, từng viết trong phần *Thiên chương*, sách *Kiến văn tiểu lục*:

“Nước ta, hai triều nhà Lý, nhà Trần (1010-1412), ngang vào khoảng triều nhà Tống, nhà Nguyên (963-1367) ở Trung Quốc, lúc ấy tinh anh nhân tài, khí cách văn chương không khác gì Trung Quốc, nhưng sách vở ghi chép sơ lược thiếu sót không tường tận, tôi thu nhặt những di văn còn sót lại ở đồ đồng và bia đá (kim thạch di văn) được mấy chục bài, thì thấy văn thời nhà Lý, lối biên ngẫu, bóng bẩy đẹp đẽ còn giống thể văn nhà Đường; đến thời nhà Trần, thì lưu loát tẻ chĩnh, đã giống khẩu khí người nhà Tống. Nay đem danh mục chép đây, để biết đại khái”<sup>(1)</sup>.

Tuy nói đã thu nhặt được “mấy chục bài” song danh mục mà Lê Quý Đôn liệt kê ra chỉ có 17 tác phẩm, trong đó có 08 tác phẩm của thời Lý, 09 tác phẩm thời nhà Trần.

Công tác sưu tập di văn kim thạch thời Lý - Trần sau đó tiếp tục được triển khai, nhất là từ nửa đầu thế kỷ XX. Đến nay, có khoảng 18 tác di văn kim thạch thời Lý đã được phát hiện, trong đó chủ yếu là dạng bi kí. Số lượng các tác phẩm di văn kim thạch thời Trần theo thống kê trong sách *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập II: *Thời Trần* (1226-1400), quyển Thượng và Hạ<sup>(2)</sup> có tất cả 44 tác phẩm. Gần đây, tháng hoặc có phát hiện thêm một số tác phẩm khác song không nhiều. 44 tác phẩm trong sách nói trên, dựa vào nội dung có thể phân chia làm nhiều loại khác nhau: loại ghi về ruộng đất, về việc xây dựng công trình Phật giáo, loại ghi về đền thờ thần và sắc phong cho thần, loại ghi thánh chỉ của nhà vua, loại kỉ công, loại ghi về lịch sử thiên phái, ghi về dòng họ, loại khắc thơ, v.v... không ít tác phẩm chỉ là sự ghi chép vụn vặt, lẻ tẻ, không thành một bài văn hoàn bị, chỉ có 21 tác phẩm khả dĩ coi là đáp ứng yêu cầu của các bài văn bia theo những tiêu chí thể loại của nó.

---

(\*) ThS, Viện Văn học.

Gần đây, nhân khảo sát thực địa, chúng tôi phát hiện thêm một tấm bia mang niên đại thời Trần tại chùa Xuyên Dương (Bạch Dương am), thôn Xuyên Dương, xã Xuyên Dương, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Bia cao 91cm, rộng 57cm, khắc trên chất liệu đá xanh. Phần diềm bia rộng 04cm, trang trí dây leo, có khắc gờ để khu biệt giữa diềm bia với lòng bia. Phần trán bia và lòng bia nằm trên một mặt phẳng, không có gờ để khu biệt. Chính giữa phần trán bia khắc hình mặt trời với các tia lửa nhỏ, đối xứng ở hai bên là hai cụm mây lửa. Hoa văn trang trí trên bia này có thể nói là khá đơn giản.

Nội dung trên bia là một bài bi kí theo đúng thể thức, tức gồm đủ phần kí (hoặc cũng gọi là “tự”) và minh (hoặc cũng có bia gọi là “tán”), cả thảy 19 hàng: phần kí 11 hàng, minh 08 hàng và 1 hàng ghi niên đại.

Phần đầu ghi: “Quốc Oai trung lộ, Kim Bài tổng, Quách Xá xã, Quách Xá phường, Bạch Dương am” ([Văn bia] Am Bạch Dương, phường Quách Xá, xã Quách Xá, tổng Kim Bài, Quốc Oai trung lộ), có thể coi đó là tiêu đề của văn bia. Chữ khắc trên bia rất rõ ràng, không có chữ nào bị mờ, mòn. Phần khắc chữ chỉ chiếm  $\frac{3}{4}$  lòng bia, để trống  $\frac{1}{4}$  phía dưới. Đại thể, văn bia nói việc Trần Nhân Tông đại định thiên hạ, hai thánh [Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông] ban hành giáo hóa khiến cho 9 phủ được yên ổn. Sau đó, xa giá nhà vua đến nơi này. Am Bạch Dương vốn do tiên tổ một vị Lang tướng họ Dương<sup>(3)</sup> xây dựng, sau đó được vị Lang tướng sửa sang và mở mang thêm. Năm Xương Phù thứ 3

[1379], Đề sử Lương điển, Đức hạnh công Đoàn Kiên (?) ở trấn Chí Yên cho dựng bia (?)<sup>(4)</sup>. Văn bia kết lại bằng bài minh, dài chừng 34 câu. Cuối cùng ghi niên đại dựng bia vào năm Kỉ Mùi, năm thứ 3 niên hiệu Xương Phù [1379, đời Trần Phế Đế].

Một số điểm đáng lưu ý:

1. Văn bia có 14 chỗ để cách chữ, trong đó có trường hợp biểu thị ý trân trọng (giống tính chất của việc viết bài), như trường hợp để trống trước các chữ “Nhân Tông 仁宗”, “đế 帝”, “nhị thánh 二聖”... song có trường hợp lại cho thấy tính chất tàn khuyết của văn bản, như câu thứ 06 trong bài minh chỉ có một chữ (chữ “viết 曰”)<sup>(5)</sup>.

2. Chữ trong văn bia tuy hoàn toàn rõ ràng song nhiều chỗ hết sức tối nghĩa.

3. Từ phong cách chữ viết, có thể thấy chữ trên bia xét về đường nét, kết thể, cách vận bút... thể hiện những dấu hiệu đặc trưng của lối viết chữ thời Lê Trung hưng.

Kết hợp 03 chi tiết trên đây, chúng tôi tạm kết luận như sau:

Chùa Xuyên Dương ngày nay tên chữ là “am Bạch Dương” (Bạch Dương am 白陽庵), vốn được khởi dựng từ thời Trần Nhân Tông. Thoạt tiên am này do tiên tổ một vị Lang tướng họ Dương xây dựng. Sau, được vị Lang tướng này mở mang thêm. Năm thứ 3 niên hiệu Xương Phù [1379], văn bia được dựng để ghi nhớ quá trình hình thành am Bạch Vân cùng công đức của Lang tướng họ Dương và tổ tiên của ông. Trong văn bia, Quốc Oai vẫn được gọi là “lộ” như cách gọi thời Trần. Trải thời gian lâu dài, đến

khoảng thời Lê Trung hưng (có thể do bia bị mòn, hoặc mất...) bia được khắc lại. Trong quá trình khắc lại, một số chữ đã bị khắc sai, khiến nội dung văn bia có nhiều chỗ tối nghĩa. Do vậy, khi khai thác nội dung văn bia này cần hết sức thận trọng về mặt văn bản.

Dưới đây là toàn văn chữ Hán bài bi kí:

### 國威中路金牌總郭舍社郭舍坊白陽庵

白陽庵乃[1]<sup>(6)</sup>仁宗皇帝所陽各也  
惟[1]帝以一戎衣京定武功回天地塗  
炭[1]二聖以教[1]九府以安[1]帝乃展  
視萬事雲臺至方[1]駕幸至此者蓋先  
祖郎將陽氏[1]也綢繆修管籥寶家國  
子共求諸福家坊以求莊曾青[3]西者  
安員外社與人外之好山也南澤之間然  
葱[1]者郎將真也。

嗚呼開國以來地民人繫地同人民  
也斯庵以郎將而興郎將以斯養而成  
千代之下他幾廢復興人幾經復斯大  
於斯鍾鼓於斯于知楊氏之重聞知在  
出西教之祀不絕也昌符三年事至安  
鎮提史梁典德行公段兼為[3]人以先  
碑文請[3]不庸至望如是示于將大而  
繫之以終。

銘曰:

國威中路/金牌之鄉/郭舍之社/祖  
宗之坊/其中有庵/[1]曰[2]/昔在郎將/  
奉佛有殿/禮佛有堂/敘祀有田/接僧有  
房/[4]/蓮臺峨崇/金相輝煌/松門孔教/  
鍾問有佞/既終花光/井甘而香/三時春  
暖/五月秋涼/圍如低樹/境若西方/恭  
其祖德/同心趾美/于前有光/鄉邑茶殖/  
子孫永昌/物無疵癘/歲少饑荒/福報

施量/提史梁典/爽按文章/勒之于石/與  
天俱長。

時皇越昌符三年記集己未仲刊日作。

P.V.A

### Chú thích:

(1) Lê Quý Đôn: *Kiến văn tiểu lục - Thiên chương*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb. VH-TT, 2007, tr.192.

(2) *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, T. II: *Thời Trần*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Đại học Trung Chính Đài Loan, 2002.

(3) Nguyên văn ghi là “*Dương thị Dương*”, nghĩa là “*họ Dương*”. Chữ “*Dương*” dùng với nghĩa là *họ Dương* thường viết là “*Dương 楊*”, song trên thực tế cũng có *họ Dương* dùng chữ “*Dương 陽*”.

(4) Đoạn ghi việc này trong văn bia rất tối nghĩa.

Phần minh có những câu mang tính hồi cổ, như: “*Tích tại Lang tướng / Phụng Phật hữu điện / Lễ Phật hữu đường / Tự tự hữu điền / Tiếp tăng hữu phòng...*” Nghĩa là: “*Xưa thời Lang tướng / Có điện thờ Phật / Có nhà lễ Phật / Có ruộng tế tự / Có phòng tiếp tăng...*”, cho thấy văn bia có thể được lập sau khi vị Lang tướng *họ Dương* đã mất.

(5) Đầu bài minh viết: “*Quốc Oai trung lộ / Kim Bài chi hương / Quách Xá chi xã / Tổ tông chi phường / Kỳ trung hữu am...*”; nghĩa là: “*Quốc Oai trung lộ / Ở hương Kim Bài / Tại xã Quách Xá / Phường của tổ tiên / Nơi ấy có am...*”. Theo văn nghĩa và cách gieo vần của bài minh, có lẽ câu tiếp theo đầy đủ phải là: “*Danh viết Bạch Dương*” - tên là *Bạch Dương*.

(6) Các vị trí để trống và số lượng chữ tương ứng với các khoảng trống đó./